

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh Văn kiện dự án
của Dự án “Quỹ toàn cầu phòng, chống HIV/AIDS giai đoạn 2018-2020”
do Quỹ toàn cầu phòng chống AIDS, Lao và Sốt rét (QTC) tài trợ**

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 132/2018/NĐ-CP ngày 01/10/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 302/QĐ-TTg ngày 13/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án “Quỹ toàn cầu phòng chống HIV/AIDS giai đoạn 2018-2020” do Quỹ Toàn cầu phòng chống AIDS, Lao và Sốt rét tài trợ;

Căn cứ thư phê duyệt của Quỹ Toàn cầu, ngày 3/9/2019 về việc bổ sung vốn viện trợ không hoàn lại 2,1 triệu USD cho Dự án “Quỹ Toàn cầu Phòng, chống HIV/AIDS giai đoạn 2018-2020” để mở rộng triển khai PrEP;

Căn cứ Quyết định số 1860/QĐ-TTg ngày 20/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh chủ trương thực hiện 02 Dự án do Quỹ Toàn cầu phòng chống AIDS, Lao và Sốt rét tài trợ cho Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08/8/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Thông tư 111/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 2287/QĐ-BYT, ngày 05/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt Văn kiện dự án “Quỹ toàn cầu phòng chống HIV/AIDS giai đoạn 2018-2020” do Quỹ toàn cầu phòng chống AIDS, Lao và Sốt rét tài trợ;

Xét đề nghị của Cục Phòng, chống HIV/AIDS tại Công văn số 1129/AIDS-VP ngày 31/12/2019 về việc điều chỉnh Văn kiện dự án và Kế hoạch hoạt động năm 2020 của Dự án “Quỹ Toàn cầu phòng, chống HIV/AIDS giai đoạn 2018-2020” do Quỹ Toàn cầu phòng chống AIDS, Lao và Sốt rét tài trợ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Văn kiện dự án của Dự án “Quỹ toàn cầu phòng, chống HIV/AIDS giai đoạn 2018-2020” do Quỹ toàn cầu phòng, chống AIDS, Lao và Sốt rét tài trợ, các nội dung thay đổi gồm:

- Kinh phí giai đoạn 2018-2020: Bổ sung 2,1 triệu USD kinh phí giai đoạn 2018-2020, tổng vốn ODA sau điều chỉnh của Dự án là 55.307.476 USD (Phụ lục 1 và 2 chi tiết kèm theo).

- Giám sát và đánh giá dự án: Bổ sung chỉ số “Số khách hàng nhận dịch vụ PrEP ít nhất một lần trong kỳ báo cáo”.

- Tổ chức quản lý thực hiện dự án: Bổ sung nội dung về quản lý tài sản sau khi kết thúc dự án.

- Cập nhật Danh mục mua sắm thuốc, sinh phẩm và vật dụng y tế.

Nội dung điều chỉnh chi tiết theo Văn kiện kèm theo.

Điều 2. Cục Phòng, chống HIV/AIDS chịu trách nhiệm triển khai Dự án theo các nội dung được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Ông/Bà: Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Cục trưởng Cục Phòng, chống HIV/AIDS, Giám đốc Ban quản lý các dự án hỗ trợ phòng chống HIV/AIDS, và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- PTT Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- UBND 32 tỉnh/TP dự án (theo danh sách);
- Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Lưu: VT, KH-TC DT-VT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG *Kave*



Đỗ Xuân Tuyên

PHỤ LỤC 1

CÁC DÒNG NGÂN SÁCH BỔ SUNG THUỘC NGUỒN VIỆN TRỢ

(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 304/QĐ-BYT ngày 5 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

Đơn vị: USD

Dòng NS	Module	Can thiệp	Tên hoạt động	Nhóm chi phí	Kinh phí 2020 phê duyệt theo QĐ 5812/QĐ- BYT, ngày 16/12/2019	Kinh phí điều chỉnh (Tăng/giảm)	Kinh phí 2020 sau điều chỉnh
126	Các chương trình can thiệp toàn diện đối với nhóm quan hệ đồng giới	Dự phòng trước phơi nhiễm cho nhóm đồng giới nam	<p>Mua giá EXW thuốc dự phòng trước phơi nhiễm (PrEP) (Emtricitabine/Tenofovir 200mg/ 300mg – Tablet – 30 viên/hộp; số lượng dự kiến đặt năm 2020 và nhận về năm 2020 là 300.000 hộp – hộp 1 lọ 30 viên).</p> <p>Cục Phòng, chống HIV/AIDS là đầu mối điều phối thuốc PrEP giữa 63 tỉnh/thành phố để đảm bảo việc triển khai chương trình PrEP trên toàn quốc.</p> <p>Thuốc PrEP được mua sắm tập trung qua kênh mua sắm của Quỹ Toàn cầu, việc đặt hàng, tổ chức mua sắm thực hiện theo Văn kiện dự án. Thanh quyết toán thuốc PrEP thực hiện theo hướng dẫn của Cục Phòng chống HIV/AIDS/Ban QLDA.</p>	4.1 Thuốc kháng virus	0	1,021,250	1,021,250

Mau
Hau

Dòng NS	Module	Can thiệp	Tên hoạt động	Nhóm chi phí	Kinh phí 2020 phê duyệt theo QĐ 5812/QĐ- BYT, ngày 16/12/2019	Kinh phí điều chỉnh (Tăng/giảm)	Kinh phí 2020 sau điều chỉnh
127	Các chương trình can thiệp toàn diện đối với nhóm quan hệ đồng giới	Dự phòng trước phơi nhiễm cho nhóm đồng giới nam	Chi phí mua sắm thuốc dự phòng trước phơi nhiễm (PrEP) từ nước ngoài về cảng Việt Nam.	7.1 Chi phí đại lý mua sắm và phí xử lý	0	122,550	122,550
128	Các chương trình can thiệp toàn diện đối với nhóm quan hệ đồng giới	Dự phòng trước phơi nhiễm cho nhóm đồng giới nam	Chi phí nhập khẩu, vận chuyển, bảo quản và hủy thuốc PrEP trong nước	7.4 Chi phí phân phối trong nước	0	68,628	68,628
129	Các chương trình can thiệp toàn diện đối với nhóm quan hệ đồng giới	Dự phòng trước phơi nhiễm cho nhóm đồng giới nam	Các xét nghiệm để theo dõi PrEP	5.6 Thuốc thử cho phòng thí nghiệm	0	466,988	466,988
130	Các chương trình can thiệp toàn diện đối với nhóm quan hệ đồng giới	Dự phòng trước phơi nhiễm cho nhóm đồng giới nam	Hỗ trợ phòng khám tư nhân triển khai hoạt động PrEP 5.500.000 VNĐ/tháng/phòng khám	1.4 các chi phí về nhân sự khác	0	105,081	105,081
131	Các chương trình can thiệp toàn diện đối với nhóm quan hệ đồng giới	Dự phòng trước phơi nhiễm cho nhóm đồng giới nam	Hỗ trợ ĐĐV giới thiệu khách hàng sử dụng PrEP 100.000đ/khách hàng	1.2 Lương- nhân viên tiếp cận cộng đồng, nhân viên y tế và các nhà cung cấp dịch vụ khác	0	34,200	34,200
132	Các chương trình can thiệp toàn diện đối với	Dự phòng trước phơi nhiễm cho	Hỗ trợ ĐĐV vận động khách hàng duy	1.2 Lương- nhân viên tiếp cận cộng	0	33,440	33,440

Mau
Khuê

Dòng NS	Module	Can thiệp	Tên hoạt động	Nhóm chi phí	Kinh phí 2020 phê duyệt theo QĐ 5812/QĐ- BYT, ngày 16/12/2019	Kinh phí điều chỉnh (Tăng/giảm)	Kinh phí 2020 sau điều chỉnh
	nhóm quan hệ đồng giới	nhóm đồng giới nam	trì sử dụng PrEP 120.000đ/khách hàng	đồng, nhân viên y tế và các nhà cung cấp dịch vụ khác			
133	Các chương trình can thiệp toàn diện đối với nhóm quan hệ đồng giới	Dự phòng trước phơi nhiễm cho nhóm đồng giới nam	Họp và hội thảo kỹ thuật về PrEP	2.4 Công tác phí/ Chi phí đi lại/ các chi phí liên quan đến hội họp/ công tác vận động	0	48,002	48,002
134	Các chương trình can thiệp toàn diện đối với nhóm quan hệ đồng giới	Dự phòng trước phơi nhiễm cho nhóm đồng giới nam	Truyền thông về dự phòng trước phơi nhiễm (PrEP)	10.0 Tài liệu và ấn phẩm truyền thông (CMP)	0	151,699	151,699
155	Các chương trình can thiệp toàn diện đối với nhóm quan hệ đồng giới	Dự phòng trước phơi nhiễm cho nhóm đồng giới nam	Tổ chức sự kiện khởi động PrEP tại các tỉnh	2.4 Công tác phí/ Chi phí đi lại/ các chi phí liên quan đến hội họp/ công tác vận động	0	48,162	48,162
Tổng cộng					0	2.100.000	2.100.000

Mau

B. B. B.

PHỤ LỤC 2

PHÂN BỐ KINH PHÍ (NGUỒN VIỆN TRỢ ODA BỔ SUNG) CHO CÁC ĐƠN VỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN

(Phê duyệt kèm theo Quyết định số /QĐ-BYT ngày tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

Đơn vị: USD

Đơn vị thực hiện	HĐ 126	HĐ 127	HĐ 128	HĐ 129	HĐ130	HĐ131	HĐ132	HĐ133	HĐ134	HĐ155	Tổng cộng
TW	1,021,250	122,550	68,628					48,002	151,699		1,412,129
An Giang				70,048	8,757	5,130	5,016			3,211	92,162
Bắc Giang				14,593	5,838	1,067	1,045			3,211	25,753
Bắc Ninh				11,383	5,838	833	814			3,211	22,078
Cà Mau				23,933	5,838	1,755	1,716			3,211	36,453
Cần Thơ				99,235	8,757	7,268	7,106			3,211	125,576
Đồng Tháp				32,105	5,838	2,354	2,299			3,211	45,807
Hải Dương				16,345	5,838	1,197	1,172			3,211	27,762
Khánh Hòa				9,924	8,757	729	715			3,211	23,335
Kiên Giang				35,608	5,838	2,606	2,547			3,211	49,808
Nam Định				18,680	5,838	1,368	1,337			3,211	30,433
Nghệ An				29,771	8,757	2,183	2,134			3,211	46,055

Mau
Kieu

Đơn vị thực hiện	HĐ 126	HĐ 127	HĐ 128	HĐ 129	HĐ130	HĐ131	HĐ132	HĐ133	HĐ134	HĐ155	Tổng cộng
Sóc Trăng				26,268	5,838	1,922	1,881			3,211	39,119
Sơn La				14,593	8,757	1,071	1,045			3,211	28,677
Thái Bình				15,761	5,838	1,152	1,128			3,211	27,089
Thanh Hóa				48,742	8,757	3,569	3,487			3,211	67,765
Tổng cộng	1,021,250	122,550	68,628	466,988	105,081	34,200	33,440	48,002	151,699	48,162	2,100,000

Mac
Kauw